

KINH SỐ 4

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, thành La-duyệt, cùng năm trăm chúng đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ, Thế Tôn từ tịnh thất ra, đi xuống núi Linh thú, cùng với Phạm chí Lộc Đầu¹, lần hồi du hành đến bãi tha ma đáng sợ².

Khi ấy Thế Tôn cầm đầu lâu một người chết trao cho Phạm chí và nói:

–Ông Phạm chí! Ông giỏi xem tinh tú, lại kiêm cả y dược, có thể trị mọi thứ bệnh, hiểu rõ tất cả các định hướng tái sinh và cũng còn có thể biết nhân duyên người chết. Nay Ta hỏi ông, đây là đầu lâu của người nào? Là nam hay là nữ? Do bệnh gì mà qua đời?

Phạm chí liền cầm lấy đầu lâu, xoay qua xoay lại quan sát, lại dùng tay gõ vào nó và bạch Thế Tôn:

–Đây là đầu lâu của người nam, chẳng phải người nữ.

Thế Tôn bảo:

–Đúng vậy, Phạm chí! Như lời ông đã nói. Đây là người nam, chẳng phải người nữ.

Thế Tôn hỏi:

–Do đâu qua đời?

Phạm chí lại dùng tay gõ vào nó. Bạch Thế Tôn:

–Đây, do nhiều bệnh tập hợp. Trăm đốt xương đau buốt quá mà chết.

Thế Tôn bảo:

–Phải trị bằng phương thuốc nào?

Phạm chí Lộc Đầu bạch Phật:

–Phải dùng quả Ha-lê-lặc³ hòa chung với mật, sau đó cho uống, bệnh này sẽ lành.

Thế Tôn bảo:

–Lành thay, như những lời ông nói! Nếu người này được thuốc này, đã không qua đời. Nay người này lúc mạng chung, sinh về nơi nào?

Phạm chí nghe rồi, lại cầm đầu lâu gõ và bạch Thế Tôn:

–Người này mạng chung sinh về ba đường dữ, chẳng sinh về nơi lành.

Thế Tôn bảo:

–Đúng vậy, Phạm chí, như những lời ông nói, sinh vào ba đường dữ, không sinh về nơi lành.

Bấy giờ Thế Tôn lại cầm một đầu lâu nữa, trao cho Phạm chí. Hỏi Phạm chí:

–Đây là người nào? Là nam hay nữ?

Lúc này Phạm chí lại dùng tay gõ và bạch Thế Tôn:

–Đầu lâu này là thân người nữ.

Thế Tôn bảo:

–Do bệnh tật gì mà mạng chung?

¹. Lộc Đầu Phạm chí; có thể đồng nhất Pāli Migasira, trưởng lão A-la-hán, nguyên người Bà-la-môn, sau xuất gia ngoại đạo (pabbājika), cuối cùng theo Phật. Ông có biệt tài gõ vào đầu lâu mà biết người chết sinh về đâu.

². Có lẽ Pāli, Sītavana (Hàn lâm), thường được mô tả là bhayabherava-sītavana, khu rừng lạnh đầy sợ hãi kinh khiếp.

³. Ha-lê-lặc 呵梨勒; Pāli: Harīṭaka, harītakī (Skt. đồng), kha tử 柯子.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Lúc này Phạm chí Lộc Đầu lại dùng tay gõ và bạch Thế Tôn:

–Người nữ này mạng chung khi còn mang thai.

Thế Tôn bảo:

–Người nữ này do đâu mà mạng chung?

Phạm chí bạch Phật:

–Người nữ này do sinh con chưa đầy tháng nên qua đời.

Thế Tôn bảo:

–Lành thay, lành thay! Phạm chí, như những lời ông đã nói. Vả lại, người nữ mang thai kia nên trị bằng phương thuốc gì?

Phạm chí bạch Phật:

–Như người bệnh này, phải cần tô, đề hồ để uống thì khỏi.

Thế Tôn bảo:

–Đúng vậy, đúng vậy! Như những gì ông đã nói. Nay người nữ này, sau khi mạng chung, sinh về nơi nào?

Phạm chí bạch Phật:

–Người nữ này sau khi mạng chung sinh vào trong súc sinh.

Thế Tôn bảo:

–Lành thay, lành thay! Phạm chí, như những gì ông đã nói.

Rồi Thế Tôn lại cầm một đầu lâu nữa trao cho Phạm chí và hỏi Phạm chí:

–Là nam hay nữ?

Phạm chí lại dùng tay gõ và bạch Thế Tôn:

–Đầu lâu này là thân người nam.

Thế Tôn bảo:

–Lành thay, lành thay! Như những gì ông đã nói. Do tật bệnh gì mà mạng chung?

Phạm chí lại dùng tay gõ và bạch Thế Tôn:

–Người này mạng chung do vì ăn uống ngộ độc, bị thổ tả mà mạng chung.

Thế Tôn bảo:

–Bệnh này dùng trị bằng phương thuốc?

Phạm chí bạch Phật:

–Nhịn ăn trong vòng ba ngày, trừ khỏi được liền.

Thế Tôn bảo:

–Lành thay, lành thay! Như những gì ông đã nói. Người này sau khi mạng chung sinh về nơi nào?

Lúc này Phạm chí lại dùng tay gõ và bạch Thế Tôn:

–Người này mạng chung sinh vào trong ngựa quỷ. Sở dĩ như vậy là vì ý chỉ tưởng đến nước.

Thế Tôn bảo:

–Lành thay, lành thay! Như những gì ông đã nói.

Bấy giờ Thế Tôn lại cầm một đầu lâu nữa, trao cho Phạm chí, hỏi Phạm chí:

–Là nam hay là nữ?

Phạm chí lúc này dùng tay gõ và bạch Thế Tôn:

–Đầu lâu này là thân của người nữ.

Thế Tôn bảo:

–Lành thay, lành thay! Như những gì ông đã nói. Người này mạng chung do bệnh tật gì?

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Phạm chí lại dùng tay gõ và bạch Thế Tôn:

–Lúc đang sinh thì mạng chung.

Thế Tôn bảo:

–Tại sao lúc đang sinh thì mạng chung?

Phạm chí lại dùng tay gõ và bạch Thế Tôn:

–Thân người nữ này khí lực hư, cạn kiệt, lại đói quá nên mạng chung.

Thế Tôn bảo:

–Người này mạng chung sinh về nơi nào?

Lúc này Phạm chí lại dùng tay gõ và bạch Thế Tôn:

–Người này mạng chung sinh vào loài người.

Thế Tôn bảo:

–Phàm người chết đói mà muốn sinh nơi lành, việc này không đúng. Phải sinh vào ba đường dữ mới hợp lý.

Lúc này Phạm chí lại dùng tay gõ và bạch Thế Tôn:

–Người nữ này trì giới hoàn hảo mà mạng chung.

Thế Tôn bảo:

–Lành thay, lành thay! Như những gì ông đã nói. Thân người nữ kia trì giới hoàn hảo đến khi mạng chung. Sở dĩ như vậy là vì phàm có người nam, người nữ nào mà cấm giới hoàn toàn thì lúc mạng chung sẽ về hai đường, hoặc lên trời hay là loài người.

Bấy giờ, Thế Tôn lại cầm đầu lâu nữa trao cho Phạm chí, hỏi:

–Nam hay là nữ?

Lúc này Phạm chí lại dùng tay gõ và bạch Thế Tôn:

–Đầu lâu này là thân nam.

Thế Tôn bảo:

–Lành thay, lành thay! Như những gì ông đã nói. Người này do bệnh tật gì khiến phải mạng chung?

Phạm chí lại dùng tay gõ và bạch Thế Tôn:

–Người này không bệnh, bị người hại khiến mạng chung.

Thế Tôn bảo:

–Lành thay, lành thay! Như những lời ông đã nói, bị người hại khiến mạng chung.

Thế Tôn bảo:

–Người này mạng chung sẽ sinh nơi nào?

Lúc này Phạm chí dùng tay gõ và bạch Thế Tôn:

–Người này mạng chúng sinh lên trời, xứ thiện.

Thế Tôn bảo:

–Như những lời ông đã nói, lời bàn trước, bàn sau mâu thuẫn nhau.

Phạm chí bạch Phật:

–Căn bản do duyên gì mà mâu thuẫn nhau?

Thế Tôn bảo:

–Những người nam, nữ mà bị người hại khiến mạng chung, đều sinh hết về ba đường dữ. Sao ông nói là sinh về xứ thiện, lên trời?

Phạm chí lại dùng tay gõ và bạch Thế Tôn:

–Vì người này vâng giữ năm giới kiêm hành thập thiện, nên đến khi mạng chúng sinh lên trời, xứ thiện.

Thế Tôn bảo:

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

–Lành thay, lành thay! Như những lời ông đã nói. Người giữ giới, không xúc phạm, sẽ sinh lên trời, xứ thiện.

Thế Tôn lại bảo lại:

–Người này đã trì mấy giới mà mạng chung?

Bấy giờ, Phạm chí một lòng chuyên chú không nghĩ gì khác, dùng tay gõ và bạch Thế Tôn:

–Trì một giới chăng? Chẳng phải. Hai, ba, bốn, năm giới chăng? Chẳng phải. Người này trì pháp bát quan trai mà mạng chung.

Thế Tôn bảo:

–Lành thay, lành thay! Như những lời ông đã nói. Trì bát quan trai mà mạng chung.

Bấy giờ, trong cảnh giới phương Đông, tại phía Nam núi Phổ hương, phương Đông, có Tỳ-kheo Ưu-đà-diên nhập Niết-bàn trong Vô dư Niết-bàn giới. Khi ấy, trong khoảnh khắc như co duỗi cánh tay, Thế Tôn đến lấy đầu lâu kia, đem về trao cho Phạm chí và hỏi Phạm chí:

–Là nam hay nữ?

Lúc này Phạm chí lại cùng tay gõ và bạch Thế Tôn:

–Tôi xem đầu lâu này, nguồn gốc của nó chẳng phải nam cũng chẳng phải nữ. Sở dĩ như vậy là vì tôi quán đầu lâu này cũng chẳng thấy sinh, cũng chẳng thấy đoạn, cũng chẳng thấy xoay vần qua lại. Sở dĩ như vậy là vì quan sát tám phương, trên dưới đều không âm vọng. Nay tôi chưa rõ đầu lâu của người này là ai?

Thế Tôn bảo:

–Thôi, thôi, Phạm chí, rốt lại, ông không biết là đầu lâu của ai. Ông nên biết, đầu lâu này không đầu không cuối, cũng không sinh tử, cũng không đi về đâu trong tám phương, trên dưới. Đây chính là đầu lâu của A-la-hán, Tỳ-kheo Ưu-đà-diên đã nhập Niết-bàn trong Vô dư Niết-bàn giới, trong cảnh giới phương Đông, tại phía Nam núi Phổ hương.

Sau khi Phạm chí nghe những lời này xong, khen chưa từng có, liền bạch Thế Tôn:

–Nay tôi quan sát loài trùng kiến này từ nơi nào đến, đều biết tất cả. Nghe tiếng vọng của chim thú mản có thể phân biệt rõ ràng: Đây là con đực, đây là con cái. Nhưng tôi quan sát vị A-la-hán này, hoàn toàn không thấy gì, không thấy chỗ đến, cũng không thấy chỗ đi. Chánh pháp Như Lai thật là kỳ diệu. Sở dĩ như vậy là vì gốc của các pháp phát xuất từ cửa miệng của Như Lai, còn A-la-hán phát xuất từ gốc của kinh pháp.

Thế Tôn bảo:

–Đúng vậy, Phạm chí, như những gì ông đã nói. Gốc của các pháp phát xuất từ miệng Như Lai. Ngay đến chư Thiên, người đời, ma hoặc thiên ma, quyết không biết được chỗ đến của A-la-hán.

Bấy giờ, Phạm chí đánh lễ sát chân và bạch Thế Tôn:

–Con có thể biết hết nơi thú hướng của chín mươi sáu loại đạo. Thấy đều biết tất cả. Nhưng chỗ thú hướng của pháp của Như Lai, không thể phân biệt được. Ngưỡng mong Thế Tôn cho con được vào đạo.

Thế Tôn bảo:

–Lành thay, Phạm chí, hãy tu phạm hạnh, cũng sẽ không có người nào biết được chỗ thú hướng của ông.

Khi ấy Phạm chí được xuất gia học đạo, ở chỗ vắng vẻ tư duy thuật đạo, vì mục đích mà thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc mặc ba pháp y, cho đến như thật biết rằng: “Sinh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau.” Lúc đó,

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Phạm chí thành A-la-hán.

Bấy giờ, Tôn giả Lộc Đầu bạch Thế Tôn:

–Nay con đã biết pháp tu hành của A-la-hán.

Thế Tôn bảo:

–Ông biết thế nào về hành của A-la-hán?

Lộc Đầu bạch Phật:

–Nay có bốn giới. Những là bốn? Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới. Như Lai, đó gọi là có bốn giới này. Khi một người mạng chung, đất trở về đất, nước trở về nước, lửa trở về lửa, gió trở về gió.

Thế Tôn bảo:

–Thế nào, Tỳ-kheo, nay có bao nhiêu giới?

Lộc Đầu bạch Phật:

–Sự thực có bốn giới. Nhưng nghĩa có tám giới.

Thế Tôn bảo:

–Thế nào là bốn giới, mà nghĩa có tám giới?

Lộc Đầu bạch Phật:

–Nay có bốn giới. Những gì là bốn giới? Đất, nước, lửa, gió. Đó gọi là bốn giới. Thế nào là nghĩa có tám giới? Đất có hai loại: Đất trong và đất ngoài. Sao gọi đại chủng đất bên trong? Đó là tóc, lông, móng, răng, thân thể, da bọc ngoài, gân cốt, tủy não, ruột, bao tử, gan, mật, tỳ thận. Đó gọi là đại chủng đất trong. Thế nào là đại chủng đất bên ngoài? Đó là những gì cứng chắc. Đó gọi là đại chủng đất bên ngoài. Đây gọi là hai đại chủng đất.

Sao gọi đại chủng nước? Đại chủng nước có hai: Đại chủng nước bên trong, đại chủng nước bên ngoài. Đại chủng nước bên trong là đờm dãi, nước mắt, nước tiểu, máu, tủy. Đó gọi là đại chủng nước bên ngoài. Còn các vật mềm ướt bên ngoài. Đó gọi là đại chủng nước bên ngoài. Đây gọi là hai đại chủng nước.

Sao gọi đại chủng lửa? Đại chủng lửa có hai: Đại chủng lửa bên trong, đại chủng lửa bên. Sao gọi là lửa trong? Là sự tiêu hóa tất cả những vật được ăn, không còn dư sót. Đó gọi là lửa bên trong. Sao gọi là lửa bên ngoài? Những vật giữ hơi nóng, vật ở bên ngoài. Đó gọi là loại lửa ngoài.

Tại sao gọi là đại chủng gió? Đại chủng gió có hai: Gió trong và gió ngoài. Gió trong là gì? Đó là gió trong môi, gió mắt, gió đầu, gió thổi ra, gió thổi vào, gió trong tất cả các khớp tay, chân. Đó gọi là gió trong. Sao gọi là gió ngoài? Đó là vật khiến lay động nhẹ, nhanh chóng. Đó gọi là gió ngoài. Bạch Thế Tôn, đó gọi là có hai loại. Sự thật có bốn, mà số có tám.

Như vậy, Thế Tôn, con quán sát nghĩa này, rằng con người khi mạng chung, bốn đại chủng ấy trở về gốc của chúng.

Thế Tôn bảo:

–Pháp vô thường cũng không cùng chung với pháp thường. Sở dĩ như vậy là vì đại chủng đất có hai, hoặc trong hoặc ngoài. Bấy giờ đất trong là pháp vô thường, là pháp biến dịch, còn đại chủng đất ngoài thường trụ không biến đổi.⁴ Đó gọi là đất có hai loại không tương ứng với thường và vô thường. Còn ba đại kia cũng lại như vậy, giữa thường và vô thường không tương ứng nhau.

⁴ Câu này nên tồn nghi trong Hán dịch.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Cho nên, này Lộc Đầu, tuy có tám loại, kỳ thật chỉ có bốn. Lộc Đầu, hãy học điều này như vậy.

Lộc Đầu sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH SỐ 5⁵

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xa-vệ.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Nay có bốn đại nghĩa được quảng diễn⁶. Những là bốn? Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm, Giới. Đó gọi là bốn⁷.

⁵. Tham chiếu Pāli, A IV 180 Mahāpadesasutta (R.ii. 167).

⁶. Cf. Pāli: Cattārome mahāpadese, bốn đại xứ (địa phương, khu vực). Hán đọc là desanā (Skt. Deśanā): Giáo thuyết, pháp thuyết.

⁷. Bốn đại nghĩa: Kinh, Luật, A-tỳ-đàm, Giới. Hán dịch có sự nhầm lẫn. Theo nội dung đoạn sau, đây là bốn y cứ để thẩm sát trong bốn trường hợp khi nào điều được nói là do chính Phật nói.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Tỳ-kheo nên biết, nếu có Tỳ-kheo nào từ phương Đông⁸ đến, tụng kinh trì pháp, phụng hành cấm giới. Vị ấy nói rằng: “Tôi có thể tụng kinh trì pháp, vâng giữ cấm giới, học rộng nghe nhiều.” Giả sử Tỳ-kheo kia có nói những gì, cũng không nên thừa nhận khi chưa đủ để dốc lòng tin tưởng.⁹ Hãy cùng Tỳ-kheo kia thảo luận, chiếu theo pháp mà cùng thảo bàn. Thế nào là y chiếu theo cùng thảo bàn? Y chiếu theo pháp mà luận, đó là bốn đại luận được quảng diễn này. Tức là Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm, Giới. Nên cùng với Tỳ-kheo kia phân biệt pháp được nói bởi Khế kinh, được hiển hiện trong Luật. Giả sử khi tìm trong Khế kinh được nói, trong Luật được hiển hiện, trong pháp được phân biệt; nếu những điều được hiển hiện ấy tương ứng với Khế kinh, tương ứng với Luật và Pháp, khi ấy bèn thọ trì. Nếu không tương ứng với Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm, thì nên trả lời người kia như vậy: “Này bạn, nên biết đây chẳng phải là những lời dạy của Như Lai. Mà những lời bạn nói, chẳng phải gốc của chánh kinh. Sở dĩ như vậy là vì nay tôi thấy nó không tương ứng với Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm...” Vì không tương ứng nên phải hỏi về sự hành trì giới. Nếu không tương ứng với giới hạnh, nên nói với người kia: “Đây chẳng phải là tạng của Như Lai!” Hãy lập tức đuổi đi. Đây gọi là gốc của nghĩa đại nghĩa được quảng diễn thứ nhất.

Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu có Tỳ-kheo nào từ phương Nam đến nói rằng: “Tôi có thể tụng kinh, trì pháp, phụng hành giới cấm, học rộng, nghe nhiều.” Giả sử Tỳ-kheo ấy có nói những gì, cũng không nên thừa nhận khi chưa đủ để dốc lòng tin tưởng. Nên cùng với Tỳ-kheo kia luận nghĩa. Giả sử những điều Tỳ-kheo kia nói mà không tương ứng với nghĩa, thì nên đuổi đi. Nếu tương ứng với nghĩa, thì nên bảo người kia rằng: “Đây là nghĩa được nói, nhưng không phải gốc chánh kinh.” Khi ấy, nên chọn lấy nghĩa đó, chứ đừng nhận gốc chánh kinh. Sở dĩ như vậy là vì nghĩa là căn nguyên để hiểu kinh. Đây gọi là gốc của đại nghĩa được diễn thứ hai.

Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu có Tỳ-kheo nào từ phương Tây đến (nói rằng: “Tôi tụng kinh, trì pháp, phụng hành giới cấm, học rộng, nghe nhiều.”) Nên nói với Tỳ-kheo kia về Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm. Nhưng Tỳ-kheo kia chỉ hiểu vị¹⁰, chứ không hiểu nghĩa, nên bảo Tỳ-kheo kia rằng: “Chúng tôi không rõ những lời này là những lời nói của Như Lai không.” Giả sử khi thuyết Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm chỉ hiểu vị, chứ không hiểu nghĩa. Tuy nghe những gì Tỳ-kheo kia nói, nhưng cũng chưa đủ để khen tốt, cũng chưa đủ để nói là dở. Lại phải đem giới hạnh để hỏi. Nếu cùng tương ứng, thì niệm mà chấp nhận. Sở dĩ như vậy là vì giới hạnh cùng tương ứng với vị, nhưng nghĩa thì không thể rõ. Đây gọi là nghĩa diễn giải thứ ba.

Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu có Tỳ-kheo nào từ phương Bắc đến, tụng kinh, trì pháp, phụng hành cấm giới, nói rằng: “Các Hiền giả có nghi vấn, hãy đến hỏi nghĩa, tôi sẽ nói cho.” Nếu Tỳ-kheo kia có nói gì cũng chưa đủ để chấp nhận ngay, chưa đủ để phúng tụng. Nhưng nên hướng về Tỳ-kheo kia hỏi về Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm, Giới. Nếu cùng tương ứng, thì nên hỏi nghĩa. Nếu lại tương ứng cùng nghĩa, thì nên khen

⁸. Pāli: Desa (Skt. Deśa), trong truyền bản Pāli được hiểu theo nghĩa bóng: 1. Pháp nghe từ chính Thế Tôn nói, 2. Nghe từ một Thượng tọa Trưởng lão trong Tăng nói, 3. Nghe từ nhiều Tỳ-kheo trưởng lão nói, 4. Nghe từ một Tỳ-kheo nào đó. Trong truyền bản Hán dịch này, được hiểu là phương hướng, tức bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc.

⁹. Pāli, ibid., “Không hoan hỷ cũng không mạ lỵ (Neva abhinanditabbam nappatikkositabbam).”

¹⁰. Vị 味. Đây chỉ văn từ. Pāli: Vyañjana.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

ngợi Tỳ-kheo kia rằng: “Lành thay, lành thay! Hiền giả, đây chính là nghĩa Như Lai đã nói, không nhầm lẫn, tất cả đều cùng tương ứng với Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm, Giới.”

Hãy theo pháp mà cúng dường, tiếp đãi Tỳ-kheo kia. Sở dĩ như vậy là vì Như Lai cung kính pháp, nên ai cung kính pháp, tức là cung kính Ta. Ai quán thấy pháp, người ấy quán thấy Ta. Ai có pháp, người ấy có Ta. Đã có pháp thì có Tỳ-kheo Tăng. Có pháp thì có bốn bộ chúng. Có pháp thì có bốn chủng tánh ở đời. Sở dĩ như vậy là vì do có pháp ở đời, nên trong Hiền kiếp có Đại Oai Vương ra đời, từ đó về sau có liền bốn chủng tánh ở đời.

Nếu pháp có ở đời thì, liền có bốn chủng tánh ở đời: Sát-lợi, Bà-la-môn, công nhân, dòng cư sĩ. Nếu pháp có ở đời thì, liền có ngôi vị Chuyển luân thánh vương không dứt. Nếu pháp có ở đời, liền có Tứ Thiên vương, Đâu-suất thiên, Diêm thiên, Hóa tự tại thiên, Tha hóa tự tại thiên xuất hiện ở đời. Nếu pháp có ở đời, liền có Dục giới thiên, Sắc giới thiên, Vô sắc giới thiên hiện ở đời. Nếu pháp có ở đời, liền có quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, quả Bích-chi-phật, Phật thừa hiện ở đời. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy khéo cung kính pháp. Hãy tùy thời cúng dường cung cấp mọi thứ cần dùng cho Tỳ-kheo kia. Nên nói với Tỳ-kheo kia rằng: “Lành thay! lành thay! Như những gì thầy đã nói. Những lời nói hôm nay thật là những lời nói của Như Lai.”

Tỳ-kheo, đó gọi là có bốn đại nghĩa diễn quảng diễn này. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy trì tâm nắm giữ ý thực hành bốn sự này, chớ để mất sót. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH SỐ 6

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc, vào buổi sáng sớm, tập họp bốn binh chủng, cỡi xe bảo vũ* đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ Thế Tôn hỏi đại vương:

–Đại vương từ đâu đến mà trên người dính đầy bụi bặm vậy? Có duyên sự gì mà tập họp bốn binh chủng?

Vua Ba-tư-nặc bạch Thế Tôn:

–Nay, nước nhà này có giặc lớn nổi lên. Nửa đêm qua, con đem binh bắt được, nên thân thể mệt mỏi, muốn trở về cung. Nhưng giữa đường lại tự nghĩ: “Trước tiên ta nên đến chỗ Như Lai, rồi sau đó mới về cung.” Vì sự việc này mà ngủ nghỉ không yên. Nay nhờ có công lao dẹp giặc, lòng vui mừng hơn hờ không tự kiểm chế được, cho nên đến đánh lễ thăm hầu Như Lai. Nếu ngay đêm qua con không hưng binh ngay thì không bắt được giặc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo:

–Đúng vậy, đại vương, như những gì vua nói. Vua nên biết rằng, có bốn căn duyên sự việc, trước khổ sau vui. Những gì là bốn? Sáng thức dậy sớm; trước khổ sau vui. Hoặc dùng dầu, tô, trước khổ sau vui. Hoặc lúc dùng thuốc, trước khổ mà sau vui. Gia nghiệp, cưới gã, trước khổ sau vui. Đại vương, đó gọi là có bốn căn duyên sự việc này, trước khổ sau vui.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc bạch Thế Tôn:

–Những gì Thế Tôn nói thật là hợp lý, có bốn căn duyên sự việc trước khổ sau vui này. Sở dĩ như vậy là vì như ngày hôm nay con quán sát bốn sự này như nhìn hạt châu trên tay, đều có nghĩa trước khổ sau vui.

Bấy giờ, Thế Tôn vì vua Ba-tư-nặc nói pháp vi diệu, khiến phát lòng hoan hỷ. Sau khi nghe pháp rồi, vua bạch Thế Tôn:

–Việc nước đa đoan, con muốn trở về cung.

Thế Tôn bảo:

–Nên biết đúng lúc.

Vua Ba-tư-nặc từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi lui đi. Vua đi chưa lâu Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nay có bốn căn duyên sự việc này, trước khổ sau vui. Thế nào là bốn? Tu tập phạm hạnh, trước khổ sau vui. Tập tụng văn kinh, trước khổ sau vui. Tọa thiền nghĩ niệm định, trước khổ sau vui. Đếm hơi thở ra vào, trước khổ sau vui. Tỳ-kheo, đó gọi là hành bốn sự này trước khổ sau vui.

Nếu có Tỳ-kheo nào hành pháp trước khổ sau vui này, quyết sẽ được ứng quả báo vui Sa-môn sau này. Thế nào là bốn?

Nếu có Tỳ-kheo nào siêng thực hành pháp này, không dục, không pháp ác, có niệm, có hỷ an, tâm nhập Sơ thiền. Đó gọi là được cái vui thứ nhất của Sa-môn.

Lại nữa, có giác, có quán, tĩnh lặng bên trong, tâm hỷ chuyên tinh nhất ý; không giác, không quán, có niệm, có hỷ an, nhập Nhị thiền. Đó gọi là cái vui thứ hai của Sa-môn.

Lại nữa, không niệm, tâm an trú hộ¹¹, thường tự giác tri, thân có lạc, điều mà các Hiền thánh mong cầu, có hộ (hỷ), niệm, lạc, tâm nhập Tam thiền. Đó gọi là được cái vui thứ ba của Sa-môn.

Lại nữa, khổ lạc trước kia đã diệt, không còn ưu; không khổ không lạc, hộ (hỷ) và niệm thanh tịnh, tâm nhập Tứ thiền. Đó gọi là có bốn cái vui của Sa-môn này.

Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu có Tỳ-kheo nào thực hành trước khổ này, sau được bốn báo vui của Sa-môn, đoạn ba lưới kết, thành Tu-đà-hoàn, được pháp thoái chuyển, nhất định đến diệt độ.

Lại nữa, Tỳ-kheo, ba kết này đã đoạn; dâm, nộ, si mỏng đi, thành Tư-đà-hàm, trở lại đời này một lần, tất hết bờ khổ.

Lại nữa, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nào dứt năm hạ phần kết, thành A-na-hàm, nhập Bát-niết-bàn ở nơi kia,¹² không trở lại thế gian này.

Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu có Tỳ-kheo nào hữu lậu đã diệt tận, thành vô lậu, tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, ở trong hiện pháp tự thân tác chứng, tự du hỷ, tự biết như thật rằng: “Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau.” Đó là Tỳ-kheo kia tu pháp trước khổ này, sau được vui bốn quả Sa-môn.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu sự trước khổ sau vui này.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

¹¹. Hộ: Hỷ. Xem cht. kinh số 1 phẩm 12 trên.

¹². A-na-hàm nhập Niết-bàn trên một trong năm Tịnh cư thiên.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH SỐ 7

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

Có bốn hạng người xuất hiện ở đời. Những gì là bốn? Có hạng Sa-môn tợ hoa hoàng lam¹³, có hạng Sa-môn tợ hoa Bàn-đà-lợi¹⁴, có hạng Sa-môn tợ nhu nhuyến¹⁵, có hạng Sa-môn nhu nhuyến trong nhu nhuyến¹⁶.

Thế nào gọi Sa-môn kia như hoa hoàng lam? Ở đây có một hạng người diệt trừ ba kết sử, thành Tu-đà-hoàn, được pháp không thoái chuyển, quyết định đến Niết-bàn¹⁷, nhưng chậm nhất là phải trải qua bảy lần chết, bảy lần tái sinh. Hoặc thành bậc Gia gia¹⁸, nhất chủng¹⁹, giống như hoa hoàng lam sáng ngất, chiều lớn. Tỳ-kheo này cũng lại như vậy, ba kết diệt tận, thành Tu-đà-hoàn, được pháp không thoái chuyển, ắt đến Niết-bàn, chậm nhất cho đến qua bảy lần chết, bảy lần tái sinh. Nếu tìm cầu phương tiện, có ý dừng mãi, hoặc thành Gia gia, hoặc thành Nhất chủng, rồi vào Đạo tích. Đó gọi là Sa-môn như hoa hoàng lam.

Thế nào gọi Sa-môn kia là như hoa Bàn-đà-lợi? Ở đây có một hạng người ba kết đã diệt; dâm, nộ, si mỏng, thành Tư-đà-hàm, trở lại đời này, dứt hết bờ khổ. Nếu người hơi chậm, trở lại đời này lần nữa, rồi dứt hết bờ khổ. Nếu dừng mãi, thì ngay trong đời này dứt hết bờ khổ. Giống như hoa Bàn-đà-lợi sớm nở, chiều úa tàn. Đó gọi là Sa-môn như hoa Bàn-đà-lợi.

Thế nào là Sa-môn kia nhu nhuyến? Hoặc có một hạng người đoạn năm hạ phần kết, thành A-na-hàm, rồi nơi trên kia mà nhập Bát-niết-bàn, không trở lại đời này. Đó gọi là Sa-môn nhu nhuyến.

Thế nào là Sa-môn kia nhu nhuyến trong nhu nhuyến? Hoặc có một hạng người người diệt tận hữu lậu, thành vô lậu, tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, ở trong hiện pháp tự thân tác chứng, tự du hý, biết như thật rằng: “Sinh tử đã tận, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau.” Đó gọi là Sa-môn nhu nhuyến trong nhu nhuyến.

Đây gọi là Tỳ-kheo có bốn hạng người này xuất hiện ở đời. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện làm Sa-môn nhu nhuyến trong nhu nhuyến.

¹³. Hoàng lam hoa 黃藍花. Pāli: Macala (?). Từ điển PTS không thấy từ này. Cf. A IV 88, bản dịch Hoa văn đọc là Samaṇam-acalam, “bất động Sa-môn.”

¹⁴. Bàn-đà-lợi 那陀利. Pāli: Puṇḍrīka, sen trắng.

¹⁵. Tợ nhu nhuyến Sa-môn 似柔軟沙門. Pāli: Samaṇapaduma, Sa-môn sen hồng.

¹⁶. Pāli: Samaṇesu samaṇasukhumālo, Sa-môn nhu hòa trong các Sa-môn.

¹⁷. Pāli: Niyato sambodhiparāyaṇo, quyết định hướng đến Chánh giác.

¹⁸. Gia gia 家家; (Skt. Kulamkula), hạng Tu-đà-hoàn quả hưởng đến Tư-đà-hàm, tái sinh Dục giới tối đa ba lần, rồi nhập Niết-bàn.

¹⁹. Nhất chủng (Skt. Ekabījika), hoặc nhất giá (Skt. Ekavīcika), hạng Bất hoàn hưởng, còn một lần tái sinh Dục giới.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ làm theo.

M

Kệ tóm tắt:

*Tu-đà, Tu-ma-quân
Tân-đâu-lô, uế, thủ
Lộc Đầu, nghĩa diễn rộng
Sau vui, kinh nhu nhuuyến.*

